TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ AN NHƠN
TỈNH BÌNH ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 232/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 06.9.2017
" V/v tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ AN NHƠN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Lệ
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Văn Thống - Cán bộ hưu trí phường Bình Định, thị xã An Nhơn
2. Bà Nguyễn Thị Thảo - Cán bộ hưu trí phường Bình Định, thị xã An Nhơn

Thư ký phiên Tòa: Cô Nguyễn Mai Đoan Thục - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã An Nhơn tham gia phiên tòa: Ông Trần Bình Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 165/2017/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2017, về việc tranh chấp "Ly hôn". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2017/QĐXXST.HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 25/2017/QĐHPT-HNGĐ ngày 21.8.2017 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: Chị Trần Thị Mỹ N, sinh năm 1979 (có mặt)
Trú tại: Khu vực L, phường N, thị xã A, tỉnh Bình Định
* *Bị đơn*: Anh Phạm Đình T, sinh năm 1978 (vắng mặt)
Trú tại: Khu vực A, phường N, thị xã A, tỉnh Bình Định

NỘI DUNG VỤ ÁN

* *Theo đơn khởi kiện, các thủ tục tố tụng tiếp theo và tại phiên tòa nguyên đơn chị Trần Thị Mỹ N trình bày*: Chị và anh Phạm Đình T có thời gian tìm hiểu khoảng 02 năm, được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới vào năm 1998, đến năm 2000 cả hai tiến hành thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã N (nay là phường N). Sau khi cưới vợ chồng sống tại nhà bà nội chồng ở A, N. Vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì xảy ra nhiều mâu thuẫn. Chị làm công nhân ở xí nghiệp gỗ, anh T làm xẻ gỗ nhưng không lo làm mà chỉ lo nhậu nhẹt cả ngày đến nỗi chủ gỗ không cho làm. Mỗi lần uống rượu thì anh T thường hay kiếm chuyện, đánh đập chị, chị nhiều lần bỏ về nhà cha mẹ ruột ở, anh T cũng nhiều lần đến năn nỉ, hứa hẹn nhưng sau đó vẫn không thay đổi. Đến tháng 8/2016 vì muốn kiếm thêm thu nhập để lo cho các con nên chị đi làm thêm vào buổi tối ở xưởng

gỗ thì anh T uống rượu về chưởi bới, xúc phạm, nói chị ngoại tình nên đã cầm cây đánh chị rất tàn nhẫn, chị bỏ về nhà cha mẹ ruột sống và vợ chồng sống ly thân từ tháng 8/2016. Nay chị không còn tình cảm với anh T nên yêu cầu được ly hôn với anh Phạm Đình T.

Về con chung: Vợ chồng có 04 người con tên Phạm Tấn P, sinh ngày 01.01.2000; Phạm Quốc D, sinh ngày 12.12.2004; Phạm Trần A, sinh ngày 10.10.2005; Phạm Duy K, sinh ngày 21.10.2011. Ly hôn, chị yêu cầu nuôi 04 người con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Đến ngày 24.6.2017, chị N có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về tranh chấp nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa giải quyết.

* *Theo biên bản ghi lời khai bị đơn anh Phạm Đình T trình bày*: Thống nhất như lời trình bày của chị N về thời gian cưới, có đăng ký kết hôn. Sau khi cưới vợ chồng sống tại thôn T một thời gian thì đến năm 2012 vợ chồng về sống tại nhà bà nội anh ở A, N. Cuộc sống hôn nhân lúc đầu hạnh phúc nhưng vợ chồng cũng nhiều lần mâu thuẫn cãi nhau, chị N bỏ về nhà mẹ ruột sống. Năm 2016 chị N có quen một người khác nên vợ chồng mâu thuẫn cải vã căng thẳng, anh đã đánh chị N nên chị N bỏ về nhà cha mẹ ruột ở, vợ chồng sống ly thân từ tháng 7/2016. Nay chị N yêu cầu ly hôn thì anh yêu cầu Tòa án hòa giải để vợ chồng về chung sống, nếu chị N kiên quyết thì anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 04 người con tên Phạm Tấn P, sinh ngày 01.01.2000; Phạm Quốc D, sinh ngày 12.12.2004; Phạm Trần A, sinh ngày 10.10.2005; Phạm Duy K, sinh ngày 21.10.20111. Ly hôn, anh yêu cầu nuôi 04 người con, không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa giải quyết.

Ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng của vụ án từ giai đoạn thụ lý, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa đúng theo quy định của pháp luật.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị Mỹ N. Về con chung và tài sản chung: nguyên đơn không yêu cầu nên miễn xét và buộc chị N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Trần Thị Mỹ N khởi kiện xin ly hôn anh Phạm Đình T có địa chỉ cư trú tại khu vực A, phường N, thị xã A, tỉnh Bình Định là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã A theo quy định Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Phạm Đình T được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn tiếp tục vắng mặt không có lý do nên căn cứ vào Điểm

b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Phạm Đình T.

[2] Về hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Trần Thị Mỹ N và anh Phạm Đình T được xác lập trên cơ sở tình yêu, có thời gian dài tìm hiểu, được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới và tự nguyện tiến hành thủ tục đăng ký kết hôn là nền tảng của một gia đình hạnh phúc. Tuy nhiên, cả hai anh chị lại không giữ được hạnh phúc trọn vẹn, khi chung sống với nhau trong một thời gian dài đã phát sinh nhiều mâu thuẫn. Chị N cho rằng anh T không lo làm ăn, thường xuyên uống rượu, chưởi mắng xúc phạm chị; ngược lại anh T nghi ngờ sự chung thủy của chị N. Từ những mâu thuẫn trong cuộc sống giữa vợ chồng nhưng cả hai không thể dung hòa, giàn xếp được nên mâu thuẫn của vợ chồng ngày càng căng thẳng hơn. Đỉnh điểm của mâu thuẫn vợ chồng là việc anh T chưởi bới, xúc phạm và đánh chị N dẫn đến việc cả hai tự chấm dứt cuộc sống chung, sống ly thân, không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, điều này chứng tỏ giữa chị N và anh T không có sự tin tưởng, tôn trọng lẫn nhau.

Qua làm việc, anh T yêu cầu Tòa án hòa giải để vợ chồng về chung sống nhưng Tòa án nhiều lần tiến hành buổi hòa giải thì bản thân anh T lại không tích cực, thiện chí, luôn né tránh, vắng mặt, không phối hợp với Tòa án trong việc hòa giải hàn gắn tình cảm vợ chồng. Vì vậy có cơ sở xác định mâu thuẫn giữa chị N và anh T đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị Mỹ N.

[3] Về quan hệ con chung: Ngày 24.6.2017 chị N có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về tranh chấp nuôi con và tại phiên tòa, chị N vẫn giữ nguyên yêu cầu này nên đình chỉ yêu cầu giải quyết về con chung.

[4] Về tài sản chung: Chị N và anh T Không yêu cầu giải quyết nên không xét.

[5] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Trần Thị Mỹ N phải chịu theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã An Nhơn về việc giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 5, Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Điều 195, Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 51, 53, 56, Khoản 1 Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình và Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội khóa 14 ngày 30.12.2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Cho chị Trần Thị Mỹ N được ly hôn với anh Phạm Đình T

2/ Đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Mỹ N về giải quyết về con chung

3/ Tài sản chung: Chị N, anh T không yêu cầu giải quyết, không xét

4/ Án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Trần Thị Mỹ N phải chịu 300.000đ được khấu trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002645 ngày 25.4.2017 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã An Nhơn.

5/ Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, có quyền kháng cáo bản án này lên cấp xét xử phúc thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo lên cấp xét xử phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết tại chính quyền địa phương.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Bình Định*
- *VKSND TX. An Nhơn*
- *Chi cục THA TX. An Nhơn*
- *UBND phường N*
- *Các đương sự*
- *Lưu hồ sơ*
- *Lưu án văn*

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Mỹ Lệ